TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN SƠN HÀ
TỈNH QUẢNG NGÃI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 01/2020/ HNGĐ - ST
Ngày: 17 - 6 - 2020
V/v: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SƠN HÀ, TỈNH QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Ngọc Thông.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Nguyệt.

Bà Đinh Thị Huệ.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đặng Anh Tuấn – Thư ký Tòa án nhân dân huyện S, tỉnh Q.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện S, tỉnh Q tham gia phiên tòa*:** Ông Nguyễn Phúc Thịnh - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 6 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện S, tỉnh Q xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 74/2019/TLST-HNGĐ ngày 24/12/2019 về việc "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2020/QĐST-HNGĐ ngày 14/5/2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2020/QĐST-HNGĐ ngày 29/5/2020 giữa:

Nguyên đơn: Chị Hà Thị Thiên V, sinh năm 1982 (Có mặt).

Nơi ĐKHKTT: Thôn L, xã S, huyện S, tỉnh Q.

Chỗ ở hiện nay: Số nhà 386 đường H, phường T, thành phố Q, tỉnh Q.

Bị đơn: Anh Phạm Ngọc S, sinh năm 1981(Vắng mặt không có lý do).

Địa chỉ: Thôn L, xã S, huyện S, tỉnh Q.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 18/12/2019 và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Hà Thị Thiên V trình bày:

Chị và anh Phạm Ngọc S kết hôn vào ngày 20/3/2007, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã S, huyện S, tỉnh Q.

Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc, đến cuối năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng không tìm được tiếng nói chung vì cách sống của hai người khác nhau nên thường xuyên cải vả. Ngoài ra, anh S thường xuyên đánh bạc, mặc dù chị V khuyên ngăn nhưng anh S không thay đổi. Từ đó, làm cho mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng hơn, không thể hàn gắn lại được. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, chị V yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh S.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Phạm Gia H, sinh ngày 23/3/2008 và Phạm Hà Gia A, sinh ngày 24/10/2012, hiện 02 cháu đang ở với chị V tại số nhà 386 đường H, phường T, thành phố Q, tỉnh Q. Khi ly hôn, chị V yêu cầu được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục hai cháu. Chị V yêu cầu anh Phạm Ngọc S cấp dưỡng nuôi 02 cháu mỗi tháng 1.500.000 đồng.

Về tài sản chung, tài sản riêng và nghĩa vụ tài sản: Anh S và chị V đã thỏa thuận theo biên bản thỏa thuận ngày 18/12/2019 nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tống đạt các văn bản tố tụng cho anh Phạm Ngọc S gồm: Thông báo về việc thụ lý vụ án; giấy triệu tập; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Thông báo về kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa nhưng anh S vắng mặt không có lý do, không có văn bản, ý kiến phản hồi, mặc dù đã được Tòa án tống đạt hợp lệ.

Kết quả xác minh tại địa phương cho rằng: Thời gian phát sinh mâu thuẫn giữa anh S và chị V bắt đầu từ năm 2019, Vợ chồng thường xuyên cải vả nhau vì anh S thường xuyên đánh bạc. Từ đó làm cho mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng hơn.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện S tham gia phiên tòa:

Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định về thẩm quyền thụ lý; về xác định tư cách tham gia tố tụng; xác minh, thu thập chứng cứ, giao nhận chứng cứ; trình tự thụ lý, việc giao nhận thông báo thụ lý; về thời hạn chuẩn bị xét xử theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng; bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

Về nội dung: Quan hệ hôn nhân giữa chị Hà Thị Thiên V và anh Phạm Ngọc S có đăng ký kết hôn là quan hệ hôn nhân hợp pháp được pháp luật thừa nhận. Sau thời gian sống hạnh phúc, đến cuối năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh S cờ bạc, vợ chồng không có tiếng nói chung, anh S bỏ nhà đi đâu chị V không biết. Xét tình trạng hôn nhân của chị V và anh S mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, việc chị V yêu cầu được ly hôn anh S là có căn cứ. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 59, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, xử cho chị Hà Thị Thiên V được ly hôn anh Phạm Ngọc S.

Về con chung: giao 02 con chung tên Phạm Gia H, sinh ngày 23/3/2008 và Phạm Hà Gia A, sinh ngày 24/10/2012 cho chị V trực tiếp chăm sóc, trông nôm, nuôi dưỡng, giáo dục. Đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận ý kiến của chị V tại phiên tòa về việc không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ngày 24/12/2019, Tòa án thụ lý đơn khởi kiện của nguyên đơn, yêu cầu của nguyên đơn chị Hà Thị Thiên V đối với bị đơn anh Phạm Ngọc S là tranh chấp về hôn nhân và gia đình, theo khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự về "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn*". Việc thụ lý và giải quyết đơn khởi kiện của Tòa án là đúng thẩm quyền được quy định tại khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án đã triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng bị đơn vắng mặt. Tòa án tiến hành xét xử vụ án là đúng quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Hà Thị Thiên V và anh Phạm Ngọc S có đăng ký kết hôn vào ngày 20/3/2007 tại Ủy ban nhân dân xã S, huyện S, tỉnh Q. Hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, hợp pháp, được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Sau khi kết hôn, cuộc sống chung của vợ chồng hoà thuận, hạnh phúc nhưng đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Theo lời khai của chị V nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do anh S cờ bạc, chị khuyên ngăn nhưng anh S không thay đổi. Trong cuộc sống thường ngày vợ chồng không hợp nhau, không tìm được tiếng nói chung. Vì vậy, thường xuyên cải vả nhau. Từ đó đến nay vợ chồng sống ly thân không còn quan tâm nhau nữa.

Nay chị V yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn anh S nhưng anh S không có văn bản, ý kiến phản hồi, mặc dù đã được Tòa án tống đạt hợp lệ. Hơn nữa, anh S đã biết được chị V khởi kiện ly hôn anh nên ngày 18/12/2019, chị V và anh S đã lập

biên bản thỏa thuận về việc chia tài sản chung và nghĩa vụ tài sản. Tòa án đã thông báo hòa giải cho anh S nhưng anh S vắng mặt nên không tiến hành hòa giải được.

Hội đồng xét xử xét thấy vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ nhưng giữa chị V và anh S đã không thực hiện được điều đó, ngược lại càng làm cho mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng hơn, nếu tiếp tục duy trì quan hệ hôn nhân giữa chị V và anh S cũng chỉ là sự ràng buộc về mặt pháp lý sẽ không mang lại hạnh phúc đích thực cho nhau nên yêu cầu ly hôn của chị V là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[3] Về con chung: Xét thấy, chị V là người đang trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu H và cháu A, đồng thời hai cháu cũng có nguyện vọng được ở với mẹ. Vì vậy, giao cháu Phạm Gia H, sinh ngày 23/3/2008 và Phạm Hà Gia A, sinh ngày 24/10/2012 cho chị V tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp với Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình. Tại phiên tòa, chị V thay đổi về việc không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về tài sản chung, tài sản riêng và nghĩa vụ tài sản: Chị Hà Thị Thiên Vân và anh Phạm ngọc Sơn đã lập biên bản thỏa thuận vào ngày 18/12/2019. Chị Vân không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện S đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[7] Về án phí: Chị Hà Thị Thiên V phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

[8] Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Hà Thị Thiên V, chị Hà Thị Thiên V được ly hôn anh Phạm Ngọc S.

2. Về con chung: Giao 02 con chung tên Phạm Gia H, sinh ngày 23/3/2008 và Phạm Hà Gia A, sinh ngày 24/10/2012 cho chị V trực tiếp chăm sóc, trông nom, nuôi dưỡng, giáo dục. Chị Hà Thị Thiên V không yêu cầu anh Phạm Ngọc S cấp dưỡng nuôi 02 con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở, không được lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Hà Thị Thiên V phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2018/0001670 ngày 23/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện S.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, Điều 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận bản án hoặc ngày niêm yết hợp lệ tại Trụ sở Ủy ban nhân dân, nơi cư trú.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Sơn Hà;
- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- Các đương sự;
- THADS huyện Sơn Hà;
- UBND xã Sơn Thủy;
- Lưu Hồ sơ + Án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Võ ngọc Thông

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đinh Thị Huệ **Nguyễn Thị Nguyệt** **Võ Ngọc Thông**